

**DỰ THẢO**

**THÔNG TƯ LIÊN TỊCH**

**Hướng dẫn thu, quản lý, sử dụng nguồn thu phí bảo đảm hàng hải  
và cơ chế cung ứng dịch vụ công ích bảo đảm an toàn hàng hải**

*Căn cứ Bộ luật Hàng hải ngày 14 tháng 6 năm 2005;*

*Căn cứ Pháp lệnh phí và lệ phí ngày 02 tháng 8 năm 2001;*

*Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;*

*Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;*

*Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích;*

*Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;*

*Căn cứ Nghị định số 21/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ về quản lý cảng biển và luồng hàng hải;*

*Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư liên tịch hướng dẫn thu, quản lý, sử dụng nguồn thu phí bảo đảm hàng hải và cơ chế cung ứng dịch vụ công ích bảo đảm an toàn hàng hải.*

**Chương I  
QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định việc thu, quản lý, sử dụng nguồn thu phí bảo đảm hàng hải và cơ chế cung ứng dịch vụ công ích bảo đảm an toàn hàng hải.

## **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc tổ chức thu, quản lý, sử dụng nguồn thu phí bảo đảm hàng hải và cung ứng dịch vụ công ích bảo đảm an toàn hàng hải, bao gồm:

1. Cục Hàng hải Việt Nam;
2. Các cảng vụ hàng hải;
3. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Bắc, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam (sau đây gọi tắt là các Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải);
4. Các tổ chức, cá nhân có đủ các điều kiện thực hiện cung ứng dịch vụ công ích bảo đảm an toàn hàng hải theo quy định của pháp luật;
5. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

## **Chương II THU, QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG NGUỒN THU PHÍ BẢO ĐẢM HÀNG HẢI**

### **Điều 3. Phí bảo đảm hàng hải**

Phí bảo đảm hàng hải thuộc nguồn thu của ngân sách nhà nước, bao gồm:

1. Phí bảo đảm hàng hải thu được từ các luồng hàng hải công cộng do nhà nước đầu tư;
2. Nguồn trích nộp phí bảo đảm hàng hải thu được tại các luồng hàng hải do doanh nghiệp tự đầu tư, xây dựng theo tỷ lệ do Bộ Tài chính quy định.

### **Điều 4. Thu, quản lý phí bảo đảm hàng hải**

1. Nhà nước giao cho các cảng vụ hàng hải thực hiện thu phí bảo đảm hàng hải. Các cảng vụ hàng hải thực hiện thu phí và sử dụng biên lai thu phí theo quy định hiện hành và được trích lại tỷ lệ phần trăm (%) trên tổng số phí thu được theo quy định của Bộ Tài chính để chi cho công tác tổ chức thu phí.

2. Định kỳ giữa tháng và cuối tháng, các cảng vụ hàng hải chuyển toàn bộ số phí thu được (sau khi giữ lại tỷ lệ % chi tổ chức thu) cho các Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải và Cục Hàng hải Việt Nam theo kế hoạch chuyển tiền được Cục Hàng hải Việt Nam giao để các cơ quan, đơn vị có kinh phí tổ chức thực hiện các nội dung chi nêu tại Điều 5 của Thông tư này.

3. Cục Hàng hải Việt Nam chịu trách nhiệm chỉ đạo các cảng vụ hàng hải thu phí bảo đảm hàng hải theo nguyên tắc thu đúng, thu đủ, kịp thời; xây dựng và ban hành kế hoạch chuyển phí bảo đảm hàng hải thu được theo quy định để các cảng vụ hàng hải thực hiện.

## **Điều 5. Sử dụng phí bảo đảm hàng hải**

Phí bảo đảm hàng hải (sau khi trừ số chi cho tổ chức thu phí) được sử dụng để chi cho các nội dung sau:

1. Chi tổ chức thực hiện việc cung ứng dịch vụ công ích công ích bảo đảm an toàn hàng hải của Cục Hàng hải Việt Nam, bao gồm:

a) Chi trả cho các tổ chức, cá nhân thực hiện cung ứng các dịch vụ công ích bảo đảm an toàn hàng hải nêu tại khoản 1 Điều 6 của Thông tư này.

b) Chi tổ chức thực hiện đặt hàng của Cục Hàng hải Việt Nam đối với các dịch vụ công ích được thực hiện theo phương thức đặt hàng.

c) Cục Hàng hải Việt Nam thực hiện chi theo dự toán ngân sách được Bộ Giao thông vận tải giao, mức chi không quá 1% tổng giá trị đặt hàng. Chi tiết nội dung chi theo dự toán chi được Bộ Giao thông vận tải duyệt.

2. Chi thực hiện các nhiệm vụ có liên quan đến công tác quản lý, bảo đảm an toàn hàng hải theo dự toán được Bộ Giao thông vận tải giao bao gồm:

a) Chi tuyên truyền về bảo đảm an toàn hàng hải;

b) Chi xây dựng quy chuẩn, tiêu chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật về quản lý, bảo đảm an toàn hàng hải;

c) Chi xây dựng các đề án về quản lý, nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác hạ tầng bảo đảm an toàn hàng hải;

d) Chi các nội dung khác có liên quan đến công tác quản lý trong lĩnh vực bảo đảm an toàn hàng hải.

3. Mức chi, nội dung chi, trình tự thủ tục chi theo chế độ tài chính hiện hành và trong phạm vi dự toán ngân sách được Bộ Giao thông vận tải giao hàng năm.

## **Chương III**

### **DỊCH VỤ CÔNG ÍCH BẢO ĐẢM AN TOÀN HÀNG HẢI, PHƯƠNG THỨC CUNG ỨNG VÀ NGUỒN KINH PHÍ CHI CUNG ỨNG DỊCH VỤ CÔNG ÍCH BẢO ĐẢM AN TOÀN HÀNG HẢI**

#### **Điều 6. Dịch vụ công ích bảo đảm an toàn hàng hải**

1. Dịch vụ công ích bảo đảm an toàn hàng hải được thực hiện theo quy định tại Thông tư này bao gồm:

a) Vận hành hệ thống đèn biển;

b) Vận hành hệ thống luồng hàng hải công cộng;

c) Khảo sát phục vụ công bố thông báo hàng hải đối với luồng hàng hải công cộng;

d) Sửa chữa công trình, tài sản bảo đảm an toàn hàng hải; sửa chữa trung gian và định kỳ phương tiện thủy sử dụng trực tiếp để thực hiện cung ứng dịch vụ công ích bảo đảm an toàn hàng hải;

đ) Các dịch vụ khác có liên quan đến công tác bảo đảm hàng hải do cơ quan có thẩm quyền giao.

2. Riêng dịch vụ công ích nạo vét duy tu luồng hàng hải công cộng để đảm bảo độ sâu của luồng theo chuẩn tắc thiết kế ban đầu được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (không bao gồm các công tác nạo vét đầu tư xây dựng mới luồng hàng hải) được thực hiện theo hướng dẫn riêng của Bộ Giao thông vận tải và Bộ Tài chính.

### **Điều 7. Phương thức cung ứng dịch vụ công ích bảo đảm an toàn hàng hải**

1. Dịch vụ công ích bảo đảm an toàn hàng hải nêu tại khoản 1 Điều 6 của Thông tư này được thực hiện theo phương thức đặt hàng. Cục Hàng hải Việt Nam ký hợp đồng đặt hàng với các Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải để thực hiện.

2. Đối với những nhiệm vụ công ích không do Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải hoặc các đơn vị thành viên của Tổng công ty trực tiếp cung ứng có giá từ 01 tỷ đồng trở lên nếu là dịch vụ có tính chất xây lắp, mua sắm hàng hóa hoặc có giá từ 500 triệu đồng trở lên nếu là dịch vụ công ích có tính chất tư vấn thì Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải thực hiện đấu thầu để lựa chọn nhà thầu cung ứng.

3. Các nhiệm vụ công ích khắc phục hậu quả bão lũ nhằm bảo đảm an toàn hàng hải được thực hiện theo phương thức đặt hàng và phù hợp với quy định tại Thông tư số 29/2010/TT-BGTVT ngày 30/09/2010 của Bộ Giao thông vận tải về phòng, chống và khắc phục hậu quả lụt, bão trong ngành hàng hải và các quy định pháp luật khác về phòng, chống, khắc phục hậu quả lụt, bão; ứng phó sự cố thiên tai và cứu nạn trong lĩnh vực bảo đảm an toàn hàng hải.

### **Điều 8. Nguồn kinh phí chi cung ứng dịch vụ công ích bảo đảm an toàn hàng hải**

Nguồn kinh phí để chi cho việc cung ứng dịch vụ công ích bảo đảm hàng hải bao gồm:

1. Nguồn thu phí bảo đảm hàng hải thuộc ngân sách nhà nước được để lại 100% sử dụng để chi cho nhiệm vụ cung ứng dịch vụ công ích bảo đảm an toàn hàng hải và chi cho các nhiệm vụ khác có liên quan đến công tác bảo đảm an toàn hàng hải.

2. Ngân sách trung ương hàng năm cấp để bổ sung chi cho các dịch vụ công ích bảo đảm an toàn hàng hải trong trường hợp nguồn thu phí bảo đảm hàng hải không đủ.

**Chương IV**  
**ĐẶT HÀNG CUNG ỨNG DỊCH VỤ CÔNG ÍCH**  
**BẢO ĐẢM AN TOÀN HÀNG HẢI**

**Điều 9. Giá đặt hàng dịch vụ công ích bảo đảm an toàn hàng hải**

Các Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải được Cục Hàng hải Việt Nam ký hợp đồng đặt hàng cung ứng dịch vụ công ích bảo đảm an toàn hàng hải theo giá đặt hàng do cơ quan có thẩm quyền quy định.

1. Giá đặt hàng dịch vụ công ích bảo đảm an toàn hàng hải do các Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải lập phương án giá (không bao gồm chi phí khấu hao tài sản đèn biển, trạm đèn biển, trạm quản lý luồng hàng hải) gửi Cục Hàng hải Việt Nam thẩm định trình Bộ Giao thông vận tải xem xét có ý kiến đề nghị Bộ Tài chính quyết định giá tối đa. Hồ sơ phương án giá thực hiện theo Phụ lục số 2a ban hành kèm theo Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá.

2. Trên cơ sở giá tối đa do Bộ Tài chính ban hành (đã bao gồm chi phí thực hiện nhiệm vụ đặt hàng) Bộ Giao thông vận tải ủy quyền cho Cục Hàng hải Việt Nam quy định giá cụ thể các sản phẩm dịch vụ công ích bảo đảm an toàn hàng hải để đặt hàng với các Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải.

3. Đối với nhiệm vụ sửa chữa thường xuyên công trình, cơ khí (nằm trong đơn giá đặt hàng dịch vụ công ích vận hành đèn, vận hành luồng) chi phí được khoán gọn theo tỷ lệ phần trăm (%) trên tổng chi vận hành đèn, vận hành luồng. Các Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải chịu trách nhiệm tổ chức quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn kinh phí được khoán gọn theo đúng quy định hiện hành.

4. Riêng các dịch vụ công ích nêu tại điểm c, điểm d, điểm đ khoản 1 Điều 6 của Thông tư này, giá đặt hàng dịch vụ công ích do Cục Hàng hải Việt Nam tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt theo quy định hiện hành.

**Điều 10. Hợp đồng đặt hàng cung ứng dịch vụ công ích bảo đảm an toàn hàng hải**

Căn cứ dự toán chi ngân sách nhà nước được giao và giá dịch vụ công ích bảo đảm an toàn hàng hải được duyệt, Cục Hàng hải Việt Nam thực hiện ký hợp đồng đặt hàng với các Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải để cung ứng các dịch vụ công ích bảo đảm an toàn hàng hải, nội dung chủ yếu hợp đồng đặt hàng bao gồm:

1. Tên dịch vụ công ích;
2. Số lượng, khối lượng;
3. Chất lượng thực hiện;
4. Đơn giá và giá trị hợp đồng;

5. Thời gian thực hiện;
6. Phương thức nghiệm thu, thanh toán;
7. Trách nhiệm và nghĩa vụ của các bên;
8. Trách nhiệm của các bên do vi phạm hợp đồng và thủ tục giải quyết.

Các bên có thể thỏa thuận bổ sung một số nội dung khác trong hợp đồng nhưng không trái với quy định của pháp luật và không làm thay đổi giá, đơn giá của dịch vụ công ích bảo đảm an toàn hàng hải.

#### **Điều 11. Điều chỉnh hợp đồng đặt hàng cung ứng dịch vụ công ích bảo đảm an toàn hàng hải**

Hợp đồng đặt hàng cung ứng dịch vụ công ích bảo đảm an toàn hàng hải được điều chỉnh trong các trường hợp sau:

1. Nhà nước điều chỉnh định mức kinh tế - kỹ thuật; giá, đơn giá dịch vụ công ích bảo đảm an toàn hàng hải.
2. Nhà nước thay đổi về cơ chế, chính sách tiền lương, giá nguyên nhiên vật liệu.
3. Nguyên nhân bất khả kháng theo quy định của pháp luật ảnh hưởng đến sản xuất và cung ứng dịch vụ công ích bảo đảm an toàn hàng hải.

#### **Điều 12. Nghiệm thu, thanh toán hợp đồng đặt hàng cung ứng dịch vụ công ích bảo đảm an toàn hàng hải**

1. Trên cơ sở hợp đồng đặt hàng cung ứng, dịch vụ công ích bảo đảm an toàn hàng hải, Cục Hàng hải Việt Nam có văn bản gửi các cảng vụ hàng hải thông báo kế hoạch điều chuyển phí bảo đảm hàng hải cho các Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải và cho Cục Hàng hải Việt Nam để các cơ quan, đơn vị có kinh phí thực hiện nhiệm vụ.

2. Sau khi nhận được thông báo kế hoạch điều chuyển phí bảo đảm hàng hải thu được của Cục Hàng hải Việt Nam, định kỳ vào thời điểm giữa tháng và cuối tháng, các cảng vụ hàng hải có trách nhiệm chuyển số phí thu được cho các đơn vị theo kế hoạch.

3. Cuối mỗi quý hoặc khi công trình hoàn thành, Cục Hàng hải Việt Nam tổ chức nghiệm thu số lượng, khối lượng, chất lượng dịch vụ công ích hoàn thành theo hợp đồng và xác định giá trị khối lượng sản phẩm công ích hoàn thành để làm cơ sở thanh toán.

4. Trường hợp giá trị thanh toán dịch vụ công ích hoàn thành trong quý vượt quá số phí bảo đảm hàng hải thu được, Cục Hàng hải Việt Nam lập hồ sơ gửi kho bạc nhà nước cấp bổ sung từ ngân sách nhà nước, hồ sơ gồm:

- a) Quyết định giao dự toán chi của Bộ Giao thông vận tải;

b) Hợp đồng đặt hàng giữa Cục Hàng hải Việt Nam và Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải;

c) Biên bản nghiệm thu số lượng, khối lượng, chất lượng dịch vụ công ích hoàn thành giữa Cục Hàng hải Việt Nam với Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải;

d) Bản xác định giá trị dịch vụ công ích hoàn thành giữa Cục Hàng hải Việt Nam với Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải;

đ) Bảng đối chiếu số phí bảo đảm hàng hải đã được các cảng vụ hàng hải chuyển cho Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải trong quý.

e) Hồ sơ chứng từ hợp pháp khác theo quy định.

### **Điều 13. Quyết toán hợp đồng đặt hàng cung ứng dịch vụ công ích bảo đảm an toàn hàng hải**

Cuối năm, Cục Hàng hải Việt Nam phối hợp với các Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải tổ chức quyết toán giá trị hợp đồng đặt hàng cung ứng dịch vụ công ích hoàn thành trong năm và thanh lý hợp đồng đặt hàng đã ký theo quy định, hồ sơ quyết toán gồm:

1. Hợp đồng đặt hàng giữa Cục Hàng hải Việt Nam và Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải;

2. Biên bản nghiệm thu số lượng, khối lượng, chất lượng, dịch vụ công ích hoàn thành hàng quý và cả năm giữa Cục Hàng hải Việt Nam với Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải;

3. Quyết toán giá trị dịch vụ công ích hoàn thành giữa Cục Hàng hải Việt Nam với Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải.

4. Với các dịch vụ công ích mà Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải lựa chọn đơn vị cung ứng theo phương thức đấu thầu, giá trị quyết toán được xác định trên cơ sở giá trúng thầu; quyết toán, thanh lý hợp đồng ký kết giữa Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải với nhà thầu.

5. Báo cáo số phí đảm bảo hàng hải đã được các cảng vụ hàng hải chuyển về cho Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải và số ngân sách nhà nước cấp đã được Cục Hàng hải Việt Nam chi trả cho Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải trong năm.

6. Biên bản thanh lý hợp đồng đặt hàng cung ứng dịch vụ công ích bảo đảm an toàn hàng hải, trong đó có việc cân đối giá trị dịch vụ công ích hoàn thành của Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải với số kinh phí đã nhận được trong năm và hướng xử lý.

7. Các hồ sơ, tài liệu khác có liên quan theo quy định.

**Chương V**  
**ĐẤU THẦU CUNG ỨNG DỊCH VỤ CÔNG ÍCH**  
**BẢO ĐẢM AN TOÀN HÀNG HẢI**

**Điều 14. Đấu thầu lựa chọn đơn vị cung ứng dịch vụ công ích bảo đảm an toàn hàng hải**

1. Trên cơ sở hợp đồng đặt hàng cung ứng dịch vụ công ích đã ký với Cục Hàng hải Việt Nam, các Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải tổ chức đấu thầu lựa chọn đơn vị cung ứng dịch vụ công ích bảo đảm an toàn hàng hải đối với các dịch vụ phải tổ chức đấu thầu được quy định tại khoản 2 Điều 7 của Thông tư này. Việc tổ chức đấu thầu chỉ được thực hiện khi có đủ các điều kiện:

- a) Kế hoạch đấu thầu đã được phê duyệt;
- b) Hồ sơ mời thầu đã được phê duyệt;
- c) Thông tin về đấu thầu đã được đăng tải theo quy định của pháp luật về đấu thầu;
- d) Nội dung, danh mục dịch vụ công ích bảo đảm an toàn hàng hải và giá được duyệt: Đối với sản phẩm, dịch vụ công ích có tính chất xây lắp phải có thiết kế kỹ thuật và giá được duyệt; đối với sản phẩm, dịch vụ công ích có tính chất tư vấn phải có đề cương (nhiệm vụ) và giá được duyệt; đối với sản phẩm, dịch vụ công ích có tính chất mua sắm phải có phê duyệt nội dung, danh mục hàng hóa và giá được duyệt.

2. Việc phân chia gói thầu phải đảm bảo phù hợp với đặc điểm và quy mô công việc.

3. Giá gói thầu do các Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải tổ chức lập, Cục Hàng hải Việt Nam thẩm định, phê duyệt.

4. Nhà thầu tham gia đấu thầu phải có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

5. Trình tự, thủ tục và các nội dung khác có liên quan đến lập, thẩm định và phê duyệt kế hoạch đấu thầu; quy trình lựa chọn nhà thầu; thương thảo, hoàn thiện, ký kết hợp đồng và các công việc khác có liên quan phải được thực hiện theo quy định của Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ, quy định của pháp luật về đấu thầu và quy định tại Thông tư này.

**Điều 15. Phân công nhiệm vụ trong tổ chức đấu thầu**

1. Cục Hàng hải Việt Nam thực hiện trách nhiệm của người có thẩm quyền theo quy định của Luật Đấu thầu.

2. Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải có trách nhiệm lập, thẩm định và trình Cục Hàng hải Việt Nam phê duyệt kế hoạch đấu thầu; thực hiện trách nhiệm của chủ đầu tư và của bên mời thầu theo quy định của Luật Đấu thầu.

**Điều 16. Nghiệm thu, thanh toán, quyết toán hợp đồng**



1. Trên cơ sở kết quả lựa chọn nhà thầu được phê duyệt, Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải thực hiện ký hợp đồng, tổ chức giám sát, nghiệm thu và thanh toán, quyết toán với nhà thầu theo quy định.

2. Việc quyết toán giá trị thực hiện cung ứng các dịch vụ công ích này giữa Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải với Cục Hàng hải Việt Nam được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 13 của Thông tư này.

## **Chương VI** **LẬP, PHÂN BỐ, GIAO DỰ TOÁN, QUYẾT TOÁN**

### **Điều 17. Lập, phân bổ và giao dự toán**

1. Hàng năm, căn cứ vào số kiểm tra dự toán thu, chi phí bảo đảm hàng hải, dự toán chi ngân sách nhà nước do Bộ Tài chính thông báo, Bộ Giao thông vận tải thông báo cho Cục Hàng hải Việt Nam.

2. Trên cơ sở số kiểm tra được thông báo, Cục Hàng hải Việt Nam lập dự toán thu, chi phí bảo đảm hàng hải và dự toán chi ngân sách nhà nước bổ sung cho cung ứng dịch vụ công ích bảo đảm an toàn hàng hải (chi tiết số thu của từng cảng vụ hàng hải, số chi của từng nhiệm vụ) gửi Bộ Giao thông vận tải xem xét, tổng hợp chung trong dự toán ngân sách nhà nước của Bộ Giao thông vận tải để gửi Bộ Tài chính tổng hợp theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

3. Căn cứ dự toán thu, chi phí bảo đảm hàng hải; dự toán chi ngân sách nhà nước bổ sung cho cung ứng dịch vụ công ích bảo đảm an toàn hàng hải được cấp có thẩm quyền giao, Bộ Giao thông vận tải tổ chức phân bổ và giao dự toán thu, chi phí bảo đảm hàng hải; chi ngân sách nhà nước cấp bổ sung cho Cục Hàng hải Việt Nam (giao chi tiết dự toán thu của từng cảng vụ hàng hải, dự toán chi của từng nhiệm vụ) để Cục Hàng hải Việt Nam triển khai thực hiện; đồng thời gửi Bộ Tài chính, Kho bạc Nhà nước để kiểm tra, giám sát.

### **Điều 18. Quyết toán số thu phí bảo đảm hàng hải**

1. Kết thúc năm tài chính, các cảng vụ hàng hải báo cáo quyết toán số thu; số được để lại chi cho công tác tổ chức thu phí; số phải nộp và số đã nộp phí bảo đảm hàng hải trong năm gửi Cục Hàng hải Việt Nam.

2. Cục Hàng hải Việt Nam tổ chức xét duyệt, tổng hợp báo cáo Bộ Giao thông vận tải thẩm định để tổng hợp vào số thu ngân sách nhà nước của Bộ Giao thông vận tải hàng năm theo quy định.

### **Điều 19. Quyết toán thực hiện nhiệm vụ công ích bảo đảm an toàn hàng hải**

1. Kết thúc năm tài chính, các Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải lập báo cáo quyết toán việc thực hiện nhiệm vụ công ích bảo đảm an toàn hàng hải trong năm; tổ chức thuê công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán Báo cáo tài chính năm theo quy định. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán hàng năm được

gửi Cục Hàng hải Việt Nam, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Tài chính đúng thời gian quy định.

2. Các Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải và cá nhân có liên quan phải chịu trách nhiệm trước nhà nước và pháp luật về tính chính xác, trung thực của số liệu báo cáo quyết toán nhiệm vụ công ích và chịu trách nhiệm bồi hoàn kinh thực hiện quyết toán dịch vụ công ích bảo đảm an toàn hàng hải được giao không đúng quy định.

3. Cục Hàng hải Việt Nam chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan của Bộ Giao thông vận tải và Bộ Tài chính tổ chức kiểm tra, quyết toán thực hiện nhiệm vụ công ích đối với các Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải. Các khoản chi không đúng chế độ, chi sai quy định đều phải xuất toán thu hồi nộp ngân sách nhà nước, đồng thời người nào ra lệnh chi sai phải bồi hoàn và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

#### **Điều 20. Quyết toán chi từ phí bảo đảm hàng hải và chi từ ngân sách nhà nước bổ sung cho cung ứng dịch vụ công ích bảo đảm an toàn hàng hải**

1. Kết thúc năm tài chính, các cảng vụ hàng hải có trách nhiệm lập báo cáo quyết toán nội dung chi cho công tác tổ chức thu phí từ nguồn phí bảo đảm hàng hải được để lại cùng với thời điểm lập báo cáo quyết toán thu, chi ngân sách hàng năm của đơn vị, gửi Cục Hàng hải Việt Nam xét duyệt và tổng hợp quyết toán theo quy định.

2. Trên cơ sở số liệu quyết toán thực hiện nhiệm vụ công ích bảo đảm an toàn hàng hải nêu tại Điều 19 của Thông tư này, Cục Hàng hải Việt Nam lập báo cáo quyết toán chi phí bảo đảm hàng hải và chi ngân sách nhà nước bổ sung cho cung ứng dịch vụ công ích bảo đảm an toàn hàng hải (nếu có) theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước; tổng hợp chung trong báo cáo quyết toán của Cục Hàng hải Việt Nam gửi Bộ Giao thông vận tải.

3. Bộ Giao thông vận tải thẩm định quyết toán của Cục Hàng hải Việt Nam và tổng hợp chung trong quyết toán của Bộ Giao thông vận tải, gửi Bộ Tài chính thẩm định theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

#### **Điều 21. Quản lý tài sản thuộc các Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải**

1. Các Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải có trách nhiệm quản lý, sử dụng tài sản theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Những tài sản thuộc công trình hàng hải (đèn biển, trạm đèn biển, trạm quản lý luồng hàng hải) được Nhà nước đầu tư tài sản và giao cho các Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải quản lý, sử dụng. Chi phí khấu hao các tài sản này không được tính trong giá đặt hàng dịch vụ công ích vận hành hệ thống đèn biển, vận hành hệ thống luồng hàng hải. Các Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải có trách nhiệm quản lý, sử dụng, khai thác tài sản này theo quy định của pháp luật hiện hành về quản lý các tài sản thuộc kết cấu hạ tầng.

3. Đối với các tài sản tham gia trực tiếp vào quá trình cung ứng dịch vụ công ích bảo đảm an toàn hàng hải như tàu, ca nô, xe ô tô để đi kiểm tra, tiếp tế các trạm đèn biển, trạm quản lý luồng hàng hải hoặc để thay thế phao báo hiệu thì chi phí sửa chữa, chi phí khấu hao tài sản trong năm được tính trong giá đặt hàng dịch vụ công ích bảo đảm an toàn hàng hải. Trường hợp những tài sản này tham gia hoạt động sản xuất kinh doanh khác ngoài nhiệm vụ công ích được giao thì các khoản chi phí sửa chữa, chi phí khấu hao thu được từ việc sử dụng các tài sản này tham gia hoạt động sản xuất kinh doanh khác ngoài nhiệm vụ công ích phải nộp trả ngân sách nhà nước.

## **Chương VII**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 22. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư liên tịch này có hiệu lực thi hành kể từ ngày.....
2. Bãi bỏ các quy định trước đây về thu, quản lý, sử dụng nguồn thu phí bảo đảm hàng hải và cơ chế cung ứng dịch vụ công ích bảo đảm an toàn hàng hải trái với quy định tại Thông tư này
3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các đơn vị phản ánh về Bộ Giao thông vận tải và Bộ Tài chính để xem xét, giải quyết./.

**BỘ TRƯỞNG**  
**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

**BỘ TRƯỞNG**  
**BỘ TÀI CHÍNH**

#### ***Nơi nhận***

- Các Bộ, Cơ quan ngang Bộ, Cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Viện KSNDTC, Toà án NDTC;
- VP BCĐ Trung ương về phòng, chống tham nhũng;
- Kiểm toán Nhà nước; Kho bạc Nhà nước;
- Kho bạc Nhà nước các tỉnh, TP trực thuộc Trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Các Vụ: NSNN; HCSN, CST, PC (Bộ Tài chính);
- Tổng cục Thuế, Cục QLГ, Cục TCDN, TTr BTC;
- Các Vụ: TCCB; TC; QLDN; KCHTGT, TTr (Bộ GTVT)
- Cục Hàng hải Việt Nam; Cục ĐTNĐ Việt Nam;
- Tổng công ty Bảo đảm ATHH miền Bắc, miền Nam;
- Các Cảng vụ hàng hải, các Cảng vụ ĐTNĐ khu vực;
- Công báo;
- Cổng TTĐT Chính phủ, Trang TTĐT Bộ GTVT;
- Lưu: VT, TC (Bộ GTVT), Cục TCDN.

